

CẬP NHẬT, ĐÍNH CHÍNH THÔNG TIN VỀ DANH MỤC THUỐC TĐSH ĐÃ CÔNG BỐ

Công văn số 4236/BYT-QLD ngày 15/7/2013

STT	Tên thuốc	Hoạt chất	Hàm lượng	Dạng bào chế	Quy cách đóng gói	Số đăng ký	Cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất, Nước sản xuất	Số, ngày, Quyết định	Nội dung đính chính, cập nhật
1	Imdur	Isosorbide-5-mononitrate 30mg	30mg	Viên nén phóng thích kéo dài	Hộp 2 vỉ viên	VN-16126-13	AstraZeneca Pharmaceutical Co. Ltd.	Số 2 đường Huang Shan, Wuxi, Jiangsu - Trung Quốc	896/QĐ-BYT ngày 21/3/2013	Quy cách đóng gói: Hộp 2 vỉ x 15 viên
2	Imdur	Isosorbide-5-mononitrate 60mg	60mg	Viên nén phóng thích kéo dài	Hộp 2 vỉ viên	VN-16127-13	AstraZeneca Pharmaceutical Co. Ltd.	Số 2 đường Huang Shan, Wuxi, Jiangsu - Trung Quốc	896/QĐ-BYT ngày 21/3/2013	Quy cách đóng gói: Hộp 2 vỉ x 15 viên
3	Exforge	Amlodipine (dưới dạng Amlodipine besylate) 10mg; Valsartan 160mg	10mg; 160mg	Viên nén bao phim	Hộp 1 vỉ x 14 viên	VN-16342-13	Novartis Farmaceutica S.A - Tây Ban Nha	Ronda de Santa Maria 158 08210 Barberà del Vallès, Barcelona	896/QĐ-BYT ngày 21/3/2013	Quy cách đóng gói: Hộp 2 vỉ x 14 viên
4	Exforge	Amlodipine (dưới dạng Amlodipine besylate) 5mg; Valsartan 160mg	5mg; 160mg	Viên nén bao phim	Hộp 1 vỉ x 14 viên	VN-16343-13	Novartis Farmaceutica S.A - Tây Ban Nha	Ronda de Santa Maria 158 08210 Barberà del Vallès, Barcelona	896/QĐ-BYT ngày 21/3/2013	Quy cách đóng gói: Hộp 2 vỉ x 14 viên
5	Exforge	Amlodipine (dưới dạng Amlodipine besylate) 5mg; Valsartan 80mg	5mg; 80mg	Viên nén bao phim	Hộp 1 vỉ x 14 viên	VN-16344-13	Novartis Farmaceutica S.A - Tây Ban Nha	Ronda de Santa Maria 158 08210 Barberà del Vallès, Barcelona	896/QĐ-BYT ngày 21/3/2013	Quy cách đóng gói: Hộp 2 vỉ x 14 viên
6	Crondia 30 MR	Gliclazid 3mg	3mg	Viên nén giải phóng hoạt chất biến đổi	Hộp 1 vỉ x 30 viên	VD-18281-13	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	La Khê - Văn Khê - Hà Đông - Hà Nội - Việt Nam	896/QĐ-BYT ngày 21/3/2013	Hoạt chất: Gliclazid 30mg

7	Klamentin 1g	Amoxicilin và acid calvulanic	1g		hộp 2vi x 7 viên	VD-7875-09	CP Dược Hậu Giang	290 Bis, Nguyễn Văn Cừ, P. An Hoà, Ninh Kiều, Cần Thơ - Việt Nam	896/QD-BYT ngày 21/3/2013	Hoạt chất: amoxicilin và acid clavulanic; Hàm lượng: 875mg/125mg; Quy cách đóng gói: Hộp 2 vi x 7 viên nén bao phim; Cơ sở sản xuất: Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang; Địa chỉ sản xuất: 288 Bis, Nguyễn Văn Cừ, P. An Hòa, Q. Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ.
8	Azicine 250 mg	Azithromycin	250mg	Thuốc bột	Hộp 6 gói x 1,5gam	VD-3586-07	CT LD TNHH Stada - Việt Nam	40 Đại lộ Tự do, KCN Việt Nam -Singapore, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương - Việt Nam	1739/QD-BYT ngày 20/5/2013	Tên công ty: Công ty TNHH LIÊN DOANH STADA-VIỆT NAM; Địa chỉ cơ sở sản xuất: K63/1 Nguyễn Thị Sóc-ấp Mỹ Hòa 2-xã Xuân Thới Đông-huyện Hóc Môn-Tp.HCM.
9	Binex Amarin	Glimepiride	2mg	Viên nén	Hộp 10 vi x 10 viên	VD-14472-12	Công ty Binex Co Limited	480-2, Jangrim-dong, Saha-gu, Busan, Korea - Hàn Quốc	1739/QD-BYT ngày 20/5/2013	Số đăng ký: VN-14472-12.

10	Cefustad 500mg	Cefuroxim Axetil tương đương Cefuroxim 250mg	500mg	Viên nén dài bao phim	Hộp 2 vỉ x 5 viên	VD-9685-09	Công ty cổ phần Pymepharco	166-170, Nguyễn Huệ, Tp. Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên - Việt Nam	1739/QĐ-BYT ngày 20/5/2013	Hoạt chất: Cefuroxim Axetil tương đương Cefuroxim 500mg
11	Celostad 250mg	Cefaclor 250mg dưới dạng Cefaclor monohydrat	250mg	Viên nang cứng	Hộp 2 vỉ x 10 viên	VD-11861-10	Công ty cổ phần Pymepharco	166-170, Nguyễn Huệ, Tp. Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên - Việt Nam	1739/QĐ-BYT ngày 20/5/2013	Tên thuốc: Celorstad 250mg.
12	Clairithromycin 500mg	Clarithromycin	500mg	Viên nén bao phim	Hộp 1 vỉ x 10 viên	VD-12513-10	Công ty cổ phần Pymepharco	166-170, Nguyễn Huệ, Tp. Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên - Việt Nam	1739/QĐ-BYT ngày 20/5/2013	Tên thuốc: Clarithromycin 500mg.
Công văn số 1081/BYT-QLD ngày 12/3/2014										
1	Azicine 250mg	Azithromycin	250mg	Thuốc bột	Hộp 6 gói x 1,5gam	VD-3586-07	CT LD TNHH Stada - Việt Nam	40 Đại lộ Tự do, KCN Việt Nam -Singapore, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương	Đợt 7 Quyết định số 4167/QĐ-BYT ngày 18/10/1013	Cơ sở sản xuất: Công ty TNHH LD Stada Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: K63/1 Nguyễn Thị Sóc-ấp Mỹ Hòa 2-xã Xuân Thới Đông-huyện Hóc Môn-Tp.HCM.
2	Bisoprolol	Bisoprolol	5mg		hộp 3 vỉ x 10 viên, hộp 6 vỉ x 10 viên	VD-9047-09	CT TNHH Stada-VN	40 Đại Lộ Tự Do,KCN Việt Nam-Singapore, Thuận An-Bình Dương	Đợt 4 Quyết định số 896/QĐ-BYT ngày 21/03/2051	Cơ sở sản xuất: Công ty TNHH LD Stada Việt Nam. Tên thuốc: Bisoprolol STADA 5mg

3	Bifumax 125	Cefuroxim axetil	125mg	Gói	Hộp 10 gói x 4g	VD-16851-12	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bidiphar 1	499 Nguyễn Thái Học, Tp Quy Nhơn, Bình Định	Đợt 2 Quyết định số 115/QĐ-BYT ngày 11/01/2023	Địa chỉ cơ sở sản xuất: 498 Nguyễn Thái Học, Tp Quy Nhơn, Bình Định
4	Cefuroxim 500	Cefuroxim axetil	500mg		hộp 2 vỉ x 5 viên	VD-13763-11	CT CPDP Bidiphar 1	500 Nguyễn Thái Học, Tp Quy Nhơn, Bình Định	Đợt 4 Quyết định số 896/QĐ-BYT ngày 21/03/2054	Tên Công ty: Công ty Cổ phần Dược phẩm Bidiphar 1 Địa chỉ cơ sở sản xuất: 498 Nguyễn Thái Học, Tp Quy Nhơn, Bình Định

Công văn số 4377/BYT-QLD ngày 07/7/2014

1	Clazic SR	Gliclazid	30 mg	Viên nén phóng thích kéo dài	Hộp 1 vỉ, 10 vỉ x 10 viên nén phóng thích kéo dài	VD-16447-12	Công ty TNHH United Pharma Việt Nam	Ấp 2, Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh	Đợt 1 Quyết định số 3977/QĐ-BYT ngày 18/10/2012	- Quy cách đóng gói: Hộp 1 vỉ, 10 vỉ x 10 viên nén phóng thích kéo dài (vỉ xé nhôm- nhôm); Hộp 1 vỉ, 10 vỉ, 50 vỉ x 10 viên nén phòng thích kéo dài (vỉ bấm nhôm-nhôm)
2	pms- Claminat 250mg/31,25 mg	Amoxicilin acid clavulanic	250mg 31.25mg	Thuốc bột pha hỗn dịch	Hộp 12 gói thuốc bột pha hỗn dịch	VD-5141-08	Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm	Số 4, Đường 30/4, Tp Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp	Đợt 2 Quyết định số 115/QĐ-BYT ngày 11/01/2013	- Số đăng ký: VD-19381-13

Quyết định số 65277/BYT-QLD ngày 18/9/2014

[illegible]

1	Mebilax 7,5	Meloxicam	7,5 mg	Viên nén	Hộp 2 vỉ x 10 viên	VD-20574-14	Công ty TNHH MTV dược phẩm DHG	Khu công nghiệp Tân Phú Thạnh, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam	Đợt 10 Quyết định số 241/QĐ-BYT ngày 23/01/2015	Số đăng ký: VD-20575-14
2	Irbesartan 150mg	Irbesartan	150 mg	Viên nén bao phim	Hộp 2 vỉ x 14 viên	VD-15905-11	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Số 66, Quốc lộ 30, Phường Mỹ Phú, Tp. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam	Đợt 10 Quyết định số 241/QĐ-BYT ngày 23/01/2015	Dạng bào chế: Viên nén
3	Risdontab 2	Risperidon	2 mg	Viên bao phim	Hộp 5 vỉ x 10 viên	VD-3343-07	Công ty cổ phần dược Danapha	Số 253 Dũng Sĩ Thanh Khê, Tp. Đà Nẵng, Việt Nam	Đợt 3 Quyết định số 344/QĐ-BYT ngày 29/01/2013	Số đăng ký: VD-17338-12
4	Gabahasan 300	Gabapentin	300 mg	Viên nang cứng	Hộp 3 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	VD-7365-09	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Đường số 2, Khu công nghiệp Đồng An, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam	Đợt 2 Quyết định số 115/QĐ-BYT ngày 11/01/2013	Số đăng ký: VD-22004-14
5	Klamentin 500	Amoxicillin trihydrat tương đương 500mg Amoxicillin; Clavulanate Potassium & silicone dioxide tương đương 62,5mg acid clavulanic	500mg/ 62,5mg	Thuốc bột pha hỗn dịch uống	Hộp 12 gói x 2 gam	VD-8436-09	Công ty cổ phần dược Hậu Giang	288 Bis, Nguyễn Văn Cừ, Phường An Hòa, Quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ, Việt Nam	Đợt 9 Quyết định số 2498/QĐ-BYT ngày 07/7/2014	Số đăng ký: VD-22423-15; Quy cách đóng gói: Hộp 24 gói x 2 gam

Công văn số 10454/BYT-QLD ngày 31/12/2015

1	Cefixim Uphace 100	Cefixim (dưới dạng Cefixim trihydrat)	100mg/ gói 2g	Bột pha hỗn dịch uống	Hộp 10 gói x 2 gam	VD-22546-15	Công ty cổ phần dược phẩm TW 25	Số 448B, Nguyễn Tất Thành, quận 4, TP. Hồ Chí Minh	Đợt 11: Quyết định số 3477/QĐ-BYT ngày 19/8/2015	Tên thuốc: Cefixime Uphace 100
2	Vosfarel MR Domesco	Trimetazidin dihydroclorid	35mg	Viên nén bao phim phóng thích chậm	Hộp 6 vỉ x 10 viên	VD-22629-15	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Số 66 Quốc lộ 30, P. Mỹ Phú, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp	Đợt 11: Quyết định số 3477/QĐ-BYT ngày 19/8/2015	Tên thuốc: Dozidine MR 35mg
3	Cefixim 200 - US	Cefixim (dưới dạng cefixim trihydrat)	200 mg/ gói 3g	Thuốc bột pha hỗn dịch uống	Hộp 10, 14, 20 gói x 3g	VD-22711-15	Công ty TNHH US Pharma USA	Lô B1-10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, Tp. Hồ Chí Minh	Đợt 11: Quyết định số 3477/QĐ-BYT ngày 19/8/2015	Tên thuốc: Lotrial S-200

Công văn số 1082/BYT-QLD ngày 02/3/2016

1	Klimentin 625	Amoxicillin trihydrat tương đương 500mg Amoxicilin; Clavulanate Potassium & Avicel tương đương 125mg Acid clavulanic	Amoxicillin 500 mg; Acid clavulanic 125 mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 4 viên	VD-7877-09	Công ty cổ phần Dược Hậu Giang	Số 288 Bis Nguyễn Văn Cừ, Tp. Cần Thơ	Đợt 11: Quyết định số 3477/QĐ-BYT ngày 19/8/2015	Số đăng ký: VD-22768-15
2	Dorotor 20mg	Atorvastatin calci trihydrat	Atorvastatin calci trihydrat 20mg	Viên nén bao phim	Hộp 2 vỉ x 10 viên	VD-5607-09	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Số 66 Quốc lộ 30 - P. Mỹ Phú, Tp. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp	Đợt 6: Quyết định số 2993/QĐ-BYT ngày 19/8/2013	Số đăng ký: VD-20064-13 Hàm lượng: Atorvastatin (dưới dạng Atorvastatin calci trihydrat) 20mg; Quy cách đóng gói: Hộp 2 vỉ, 3 vỉ x 10 viên;

3	Ofmantine - Domesco 625 mg	Amoxicilin trihydrat; Clavulanic potassium;	Amoxicilin 500mg, acid clavulanic 125mg	Viên nén dài bao phim	Hộp 2 vỉ x 7 viên	VD-7075-09	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Số 66 Quốc lộ 30 - P. Mỹ Phú, Tp. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp	Đợt 6: Quyết định số 2993/QĐ-BYT ngày 19/8/2013	Số đăng ký: VD-22308-15 Dạng bào chế: Viên nén bao phim; Quy cách đóng gói: Hộp 2 vỉ x 7 viên; 1 vỉ, 3 vỉ x 10 viên.
4	Rostor 10	Rosuvastatin	10mg	Viên nén dài bao phim	Hộp 2 vỉ x 14 viên	VD-7721-09	Công ty cổ phần Pymepharco	Số 166-170 Nguyễn Huệ, Tp. Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên	Đợt 9: Quyết định số 2498/QĐ-BYT ngày 07/7/2014	Số đăng ký: VD-23856-15 Hoạt chất: Rosuvastatin (dưới dạng Rosuvastatin calci) Dạng bào chế: Viên nén bao phim

5	Bifumax 125	Cefuroxim axetil	125mg	Gói	Hộp 10 gói x 4g	VD-16851-12	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bidiphar 1	498 Nguyễn Thái Học, Tp Quy Nhơn, Bình Định	Đợt 2: Quyết định số 115/QĐ-BYT ngày 11/01/2013; Công văn số 1081/BYT-QLD ngày 12/3/2014	Hoạt chất: Cefuroxim axetil tương đương Cefuroxim base. Cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar). Địa chỉ cơ sở sản xuất: Số 498 Nguyễn Thái Học, phường Quang Trung, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
6	Cefimed 200mg	Cefixime	200mg	Viên nén bao phim	Hộp 2 vỉ x 4 Viên	VN-15536-12	Medochemie Ltd.	1-10 Constantinoupoleos Street, 3011 Limassol	Đợt 1: Quyết định số 3977/QĐ-BYT ngày 18/10/2012	Tên cơ sở sản xuất: Medochemie Ltd-Factory C. Địa chỉ cơ sở sản xuất: 2 Michael Erakleous street, Agios Athanassios Industrial Area, 4101 Agios Athanassios, Limassol

7	Medaxetine 250mg	Cefuroxime Axetil, tương đương 250mg Cefuroxime	250mg	Viên nén bao phim	Hộp 1 vỉ x 10 viên	VN-15975-12	Medochemie Ltd.	1-10 Constantinoupoleos Street, 3011 Limassol	Đợt 2: Quyết định số 115/QĐ-BYT ngày 11/01/2013	Tên cơ sở sản xuất: Medochemie Ltd-Factory C. Địa chỉ cơ sở sản xuất: 2 Michael Erakleous street, Agios Athanassios Industrial Area, 4101 Agios Athanassios, Limassol
8	Medaxetine 500mg	Cefuroxime Axetil tương đương 500mg Cefuroxime	500mg	Viên nén bao phim	Hộp 1 vỉ x 10 viên	VN-15976-12	Medochemie Ltd.	1-10 Constantinoupoleos Street, 3011 Limassol	Đợt 2: Quyết định số 115/QĐ-BYT ngày 11/01/2013	Tên cơ sở sản xuất: Medochemie Ltd-Factory C. Địa chỉ cơ sở sản xuất: 2 Michael Erakleous street, Agios Athanassios Industrial Area, 4101 Agios Athanassios, Limassol
9	Acyclovir Stada 800mg	Acyclovir	800mg	Viên nén	Hộp 7 vỉ, 10 vỉ x 5 viên	VD-10720-10	Công ty liên doanh TNHH Stada Việt Nam	K63/1 Nguyễn Thị Sóc- ấp Mỹ Hòa 2- Xã Xuân Thới Đông - Huyện Hóc Môn - Tp. Hồ Chí Minh	Đợt 9: Quyết định số 2498/QĐ-BYT ngày 07/07/2014; Công văn số 65277/BYT-QLD ngày 18/9/2014	Số đăng ký: VD-23346-15 Cơ sở sản xuất: Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam

10	Lipistad 20	Atorvastatin calci	20mg		hộp 3 vỉ x 10 viên	VD-8265-09	CT TNHH Stada-VN	40 Đại Lộ Tự Do, KCN Việt Nam-Singapore, Thuận An-Bình Dương	Đợt 4: Quyết định số 896/QĐ-BYT ngày 21/03/2013	Số đăng ký: VD-23341-15
11	Tenocar 100mg	Atenolol	100mg	Viên nén	Hộp 2 vỉ x 15 viên; Hộp 10 vỉ x 10 viên	VD-8976-09	Công ty cổ phần Pymepharco	166-170, Nguyễn Huệ, Tp. Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	Đợt 5: Quyết định số 1739/QĐ-BYT ngày 20/05/2013	Số đăng ký: VD-23231-15
12	Tenofovir Stada 300mg	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên, hộp 1 chai 30 viên	VD-12111-10	Công ty liên doanh TNHH Stada Việt Nam	40 Đại lộ Tự Do, KCN Việt Nam - Singapore, Thuận An, Bình Dương.	Đợt 9: Quyết định số 2498/QĐ-BYT ngày 07/07/2014	Số đăng ký: VD-23982-15
13	Rostor 20	Rosuvastatin 20mg	20mg	Viên nén bao phim	Hộp 2 vỉ x 14 viên	VD-7722-09	Công ty cổ phần Pymepharco	166-170 Nguyễn Huệ, Tp. Tuy Hoà, Tỉnh Phú Yên	Đợt 1: Quyết định số 3977/QĐ-BYT ngày 18/10/2012	Số đăng ký: VD-23857-15
14	Augbactam 625	Amoxicillin, Acid clavulanic	500mg + 125mg	Viên nén bao phim	Hộp 2 vỉ x 5 viên; Hộp 2 vỉ x 7 viên	VD-6443-08	Công ty Cổ phần Hóa-Dược phẩm Mekophar	297/5 Lý Thường Kiệt, Phường 15, Quận 11, Tp. Hồ Chí Minh	Đợt 2: Quyết định số 115/QĐ-BYT ngày 11/01/2013	Số đăng ký: VD-21430-14
15	Myeromax 500	Azithromycin	500mg	Viên nén dài bao phim	Hộp 1 vỉ x 3 viên	VD-18834-13	Công ty liên doanh Meyer	6A3, Quốc lộ 60, P. Phú Tân, Tp. Bến Tre, tỉnh Bến Tre	Đợt 5: Quyết định số 1739/QĐ-BYT ngày 20/05/2013	Tên cơ sở sản xuất: Công ty liên doanh Meyer-BPC

16	Droxicef 250mg	Cefadroxil (dưới dạng monohydrat)	250 mg	Viên nang	Hộp 3 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	VD-7717-09	Công ty cổ phần Pymepharco	Số 166 - 170 Nguyễn Huệ, Tuy Hòa, Phú Yên	Đợt 11: Quyết định số 3477/QĐ-BYT ngày 19/8/2015	Số đăng ký: VD-23834-15; Dạng bào chế: Viên nang cứng; Quy cách đóng gói: Hộp 10 vỉ x 10 viên; Hộp 3 vỉ x 10 viên; Lọ 200 viên
17	Droxicef 500mg	Cefadroxil	500mg	Viên nang	Hộp 2 vỉ x 10 viên; Hộp 3 vỉ x 10 viên; Hộp 10 vỉ x 10 viên	VD-8960-09	Công ty cổ phần Pymepharco	166-170, Nguyễn Huệ, Tp. Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	Đợt 5: Quyết định số 1739/QĐ-BYT ngày 20/05/2013	Số đăng ký: VD-23835-15; Dạng bào chế: Viên nang cứng (xám - vàng); Quy cách đóng gói: Hộp 2 vỉ x 10 viên; Hộp 3 vỉ x 10 viên; Hộp 10 vỉ x 10 viên; Lọ 200 viên
18	Bisoprolol Stada 5mg	Bisoprolol	5mg		hộp 3 vỉ x 10 viên, hộp 6 vỉ x 10 viên	VD-9047-09	Công ty TNHH LD Stada Việt Nam.	40 Đại Lộ Tự Do, KCN Việt Nam-Singapore, Thuận An-Bình Dương	Đợt 4: Quyết định số 896/QĐ-BYT ngày 21/03/2013 Công văn số 1081/BYT-QLD ngày 12/3/2014	Số đăng ký: VD-23337-15; Dạng bào chế: Viên nén bao phim

19	Atenolol Stada 50mg	Atenolol	50mg	Viên nén	Hộp 10 vỉ x 10 viên	VD-12619-10	Công ty liên doanh TNHH Stada Việt Nam.	40 Đại lộ Tự Do, KCN Việt Nam - Singapore, Thuận An, Bình Dương.	Đợt 10: Quyết định số 241/QĐ- BYT ngày 23/01/2015	Số đăng ký: VD-23963-15 Tên cơ sở sản xuất: Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam.
20	Loratadin Stada 10mg	Loratadin 10 mg	10mg		hộp 2 vỉ x 10 viên	VD-9029-09	CT TNHH Stada- VN	K63/1, Nguyễn Thị Sóc- Ấp Mỹ Hoà 2-Xã Xuân Thới Đông, Huyện Hóc Môn, Tp.HCM	Đợt 4: Quyết định số 896/QĐ-BYT ngày 21/03/2013	Số đăng ký: VD-23354-15 Tên cơ sở sản xuất: Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam.